

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên tăng điểm trước kỳ vọng mùa báo cáo KQKD tích cực ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến tăng điểm trong bối cảnh TTCK toàn cầu diễn biến tích cực

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

VCG, FPT

[Cập nhật công ty]

FPT

[Quan điểm đầu tư]

Khuyến nghị nắm giữ tỷ trọng ngắn hạn đã mở ở mức thấp và tránh mua đuổi

23/10/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	961.26	+1.20
VN30	930.30	+1.31
HĐTL VN30F1M	935.00	+1.19
HNXIndex	141.70	+0.60
HNX30	262.17	+0.71
UPCoM	63.91	+0.42
USD/VND	23,178	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.57	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.13	+3
Dầu (WTI, \$)	40.68	+0.10
Vàng (LME, \$)	1,910.86	+0.35

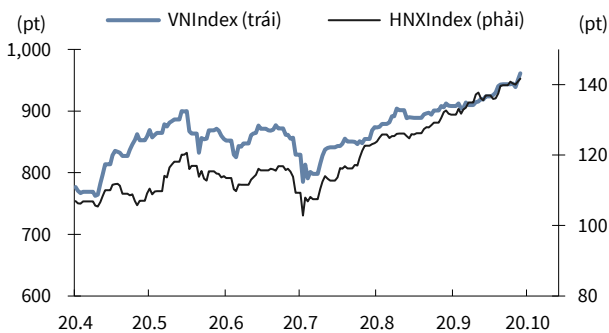


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	961.26 (+1.20%)
KLGD (triệu CP)	392.4 (+30.1%)
GTGD (triệu US\$)	408.1 (+29.4%)
HNXIndex	141.70 (+0.60%)
KLGD (triệu CP)	60.8 (+44.6%)
GTGD (triệu US\$)	28.9 (+13.2%)
UPCoM	63.91 (+0.42%)
KLGD (triệu CP)	39.7 (+72.6%)
GTGD (triệu US\$)	17.1 (+46.7%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-10.7

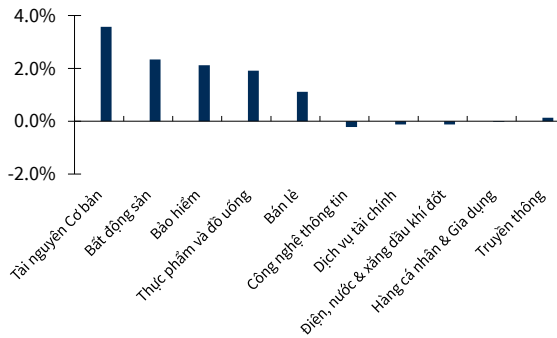
TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên tăng điểm trước kỳ vọng mùa báo cáo KQKD tích cực ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, cũng là nhóm dẫn dắt xu hướng tăng của thị trường trong phiên hôm nay với rổ cổ phiếu VN30 ghi nhận 19 mã tăng và 9 mã giảm giá. Cổ phiếu ngân hàng tăng giá ở VCB (+1%), MBB (+0.3%) sau khi khảo sát của Ngân hàng Nhà nước cho thấy các ngân hàng kỳ vọng tín dụng quý cuối năm sẽ phục hồi mạnh ở mức 4.7%, đưa tăng trưởng tín dụng cả năm 2020 lên mức 11.4%. Báo cáo của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) cho biết quý 3 ghi nhận sự bứt phá trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thép các loại sau nửa đầu năm chậm lại do ảnh hưởng dịch bệnh, giúp củng cố triển vọng KQKD quý 3 tăng trưởng mạnh của các doanh nghiệp trong ngành như HPG (+4.4%), NKG (+0.6%). Đại diện Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) cho biết giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam phục hồi tốt do nguồn cung trên thị trường giảm, giúp cổ phiếu các doanh nghiệp trong ngành tăng giá ở VHC (+3%), HVG (+2.2%). Khối ngoại tiếp tục bán ròng ở MSN (+1.2%), VHM (+2.6%), VRE (+0.9%).

VNIndex & HNXIndex



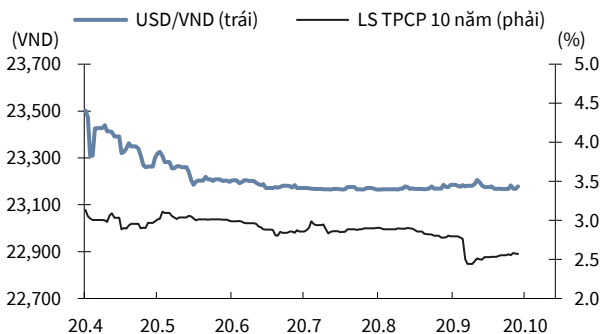
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



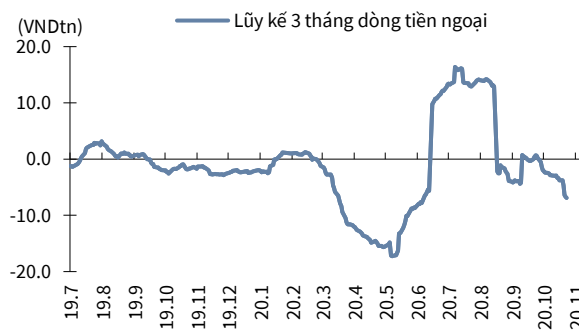
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

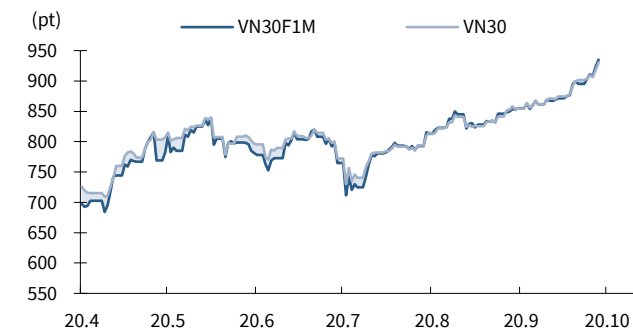
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	930.30 (+1.31%)
VN30F1M	935.0 (+1.19%)
Mở cửa	927.0
Cao nhất	937.3
Thấp nhất	925.4

HĐTL diễn biến tăng điểm trong bối cảnh TTCK toàn cầu diễn biến tích cực. Chênh lệch F2011 và VN30 mở cửa ở mức 9.80, giao động chủ yếu quanh 1.2 và 4.5 trước khi tăng mạnh vào cuối phiên, đóng cửa ở mức 4.7 khi NĐT gia tăng trạng thái LONG. NĐTNN mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay và thanh khoản thị trường không có nhiều thay đổi.

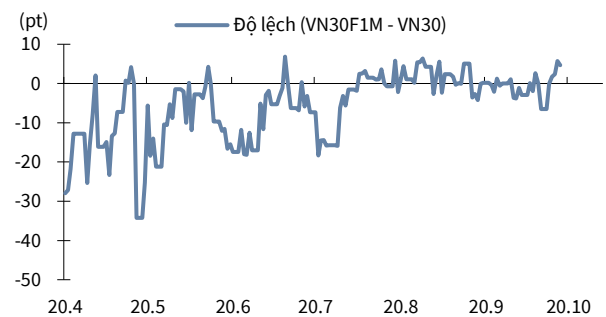
KLGD (HĐ) **126,321 (+2.4%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



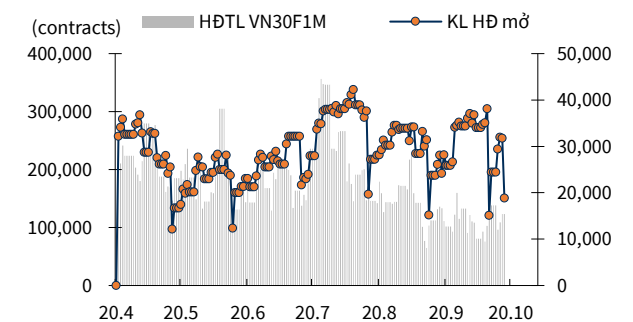
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



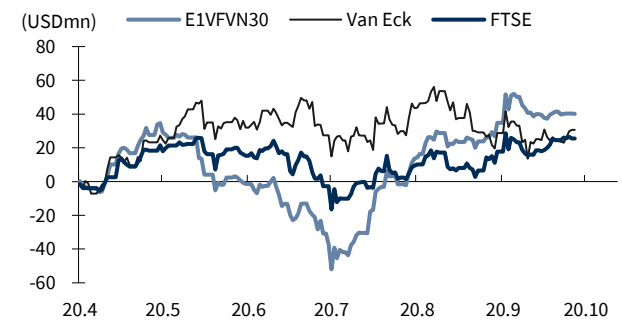
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

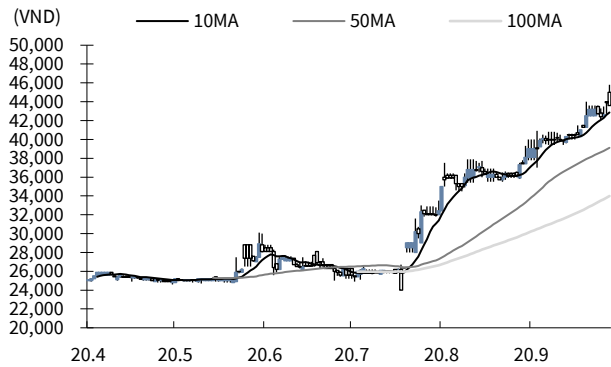
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vinaconex (VCG)

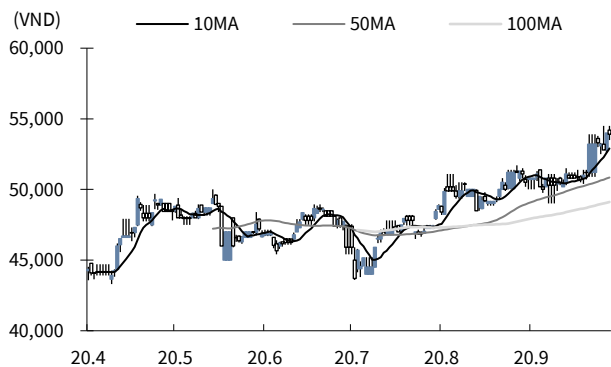


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCG giảm -0.7% xuống 43,600 VNĐ/cp.

- VGC công bố báo cáo kinh doanh quý 3 với lợi nhuận 1,038 tỷ đồng (+436.6% YoY) và doanh thu 1,270 tỷ đồng (-44.7% YoY). Mặc dù doanh thu giảm mạnh nhưng lợi nhuận tăng cao đột biến nhờ bán cổ phần tại một số dự án trong đó có việc chuyển nhượng 50% tại liên doanh An Khánh JSC. Đáng chú ý, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng bất thường 685% YoY do trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Công ty (mã)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT giảm -0.2% xuống 53,900 VNĐ/cp.

- FPT công bố ước tính KQKD 9 tháng đầu năm với LNTT 3,814 tỷ đồng (+9% YoY) và doanh thu 21,164 tỷ đồng (+8% YoY). Trong đó, mảng dịch vụ công nghệ thông tin tiếp tục đóng góp chính với lợi nhuận trước thuế 9 tháng là 1,418 tỷ (+13.8% YoY) và doanh thu 8,779 tỷ (+12.6% YoY). Mảng chuyển đổi số có kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh với doanh thu đạt 2,473 tỷ (+41% YoY) nhờ tiên phong trong lĩnh vực công nghệ số mới.

CTCP FPT (FPT)

Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm tăng 8.7% yoy

Doanh thu và LNTT 9 tháng đầu năm lần lượt tăng 8.0% và 8.7% yoy

— Doanh thu 3Q/2020 đạt 7,553 tỷ VND, tăng 6.3% YoY trong đó khối công nghệ tăng 1.9% yoy, khối Viễn Thông tăng 8.8% yoy và khối Đầu tư & Giáo dục tăng 37.7% yoy. LNTT 3Q/2020 đạt 1,386 tỷ VND, tăng 1.3% yoy trong đó LNTT khối Công nghệ tăng 3.7% yoy và khối Viễn thông tăng 10.8% yoy, trong khi đó LNTT khối Đầu tư & Giáo dục giảm 20.4% yoy. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu đạt 21,164 tỷ VND, tăng 8.0% yoy, LNTT đạt 3,814 tỷ VND, tăng 8.7% yoy.

Giá trị đơn đặt hàng mới của mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 22% so với cùng kì

— 3Q2020, doanh thu từ mảng dịch vụ CNTT nước ngoài có mức tăng trưởng thấp nhất trong các quý gần đây, chỉ tăng 3.7% yoy là nguyên nhân chính khiến tốc độ tăng trưởng của FPT có phần chậm lại. Tuy nhiên, KBSV kì vọng đà tăng trưởng sẽ hồi phục trong năm 2021 khi giá trị đơn hàng kí mới trong 9 tháng đầu năm đạt 9,595 tỷ VND, tăng 22% yoy; số lượng khách hàng lớn với doanh thu đóng góp doanh thu trên 500 nghìn USD và 1 triệu USD lần lượt đạt 180 và 87 doanh nghiệp (tăng 16% và 6% yoy).

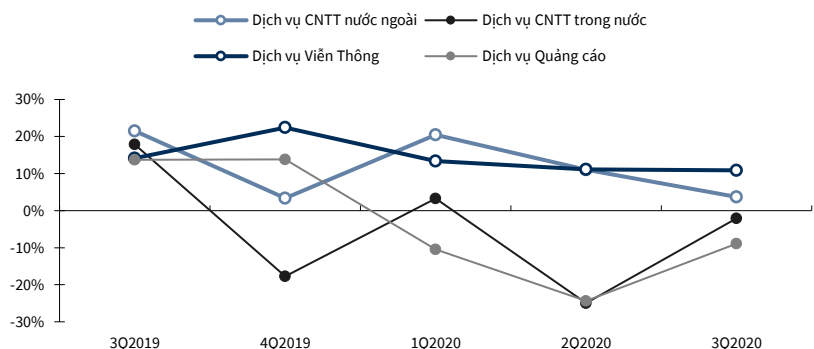
LNTT mảng Dịch vụ Viễn thông tăng 20.5% yoy nhờ cắt giảm chi phí và PayTV đạt điểm hòa vốn

— 3Q2020, LNTT mảng Dịch vụ Viễn thông tăng 20.5% yoy trong khi doanh thu chỉ tăng 10.9% yoy, biên lợi nhuận gộp được cải thiện từ 15.8% tại 3Q2019 lên 17.2% tại 3Q2020 nhờ chính sách cắt giảm chi phí, đặc biệt là chi phí marketing. Cùng với đó, mảng Pay TV đã đạt đến điểm hòa vốn với doanh thu tăng xấp xỉ 30% so với cùng kì trong 9 tháng đầu năm.

Dịch vụ CNTT trong nước và Dịch vụ Quảng cáo đều có sự hồi phục đáng kể về tăng trưởng doanh thu trong 3Q2020 sau khi sụt giảm mạnh trong 2Q2020.

KBSV kì vọng, đà tăng trưởng ở tất cả các mảng kinh doanh có thể được cải thiện trở lại từ đầu năm 2021 khi dịch Covid-19 đã được kiểm soát tốt tại Việt Nam và có những dấu hiệu tích cực trên thế giới.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng doanh thu tính đến 3Q2020



Nguồn: FPT, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

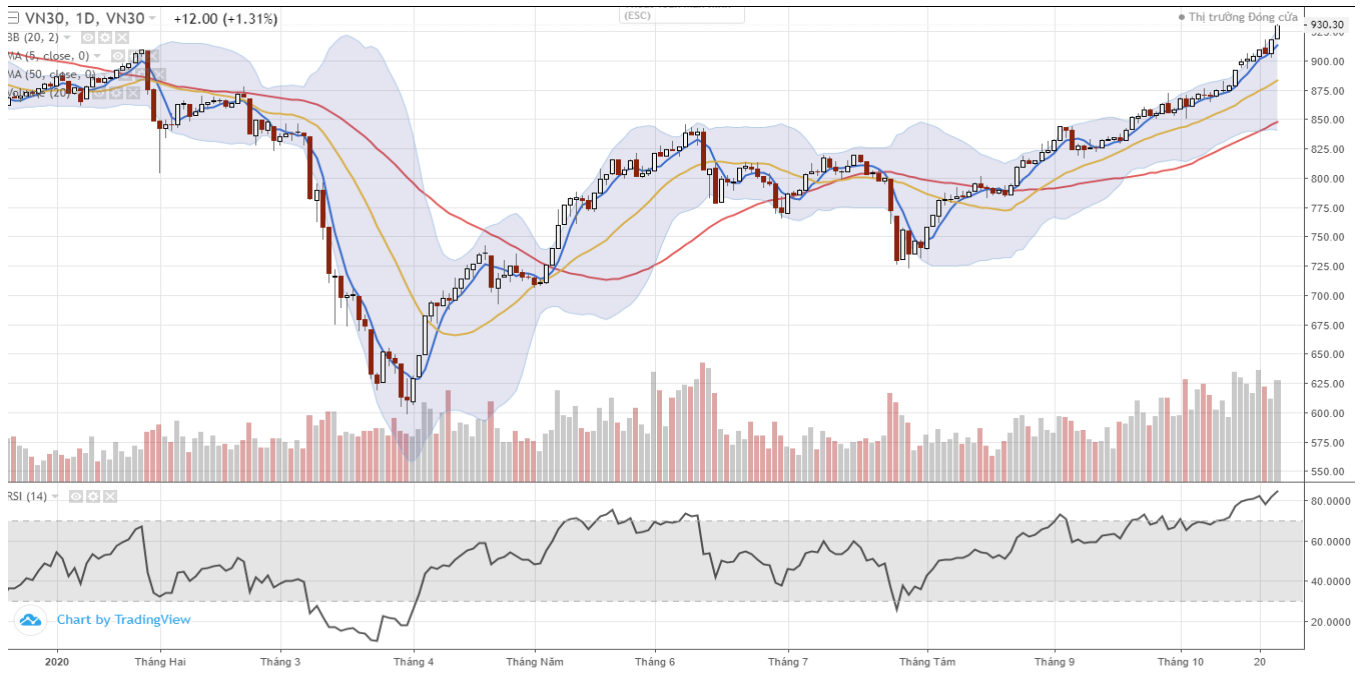
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

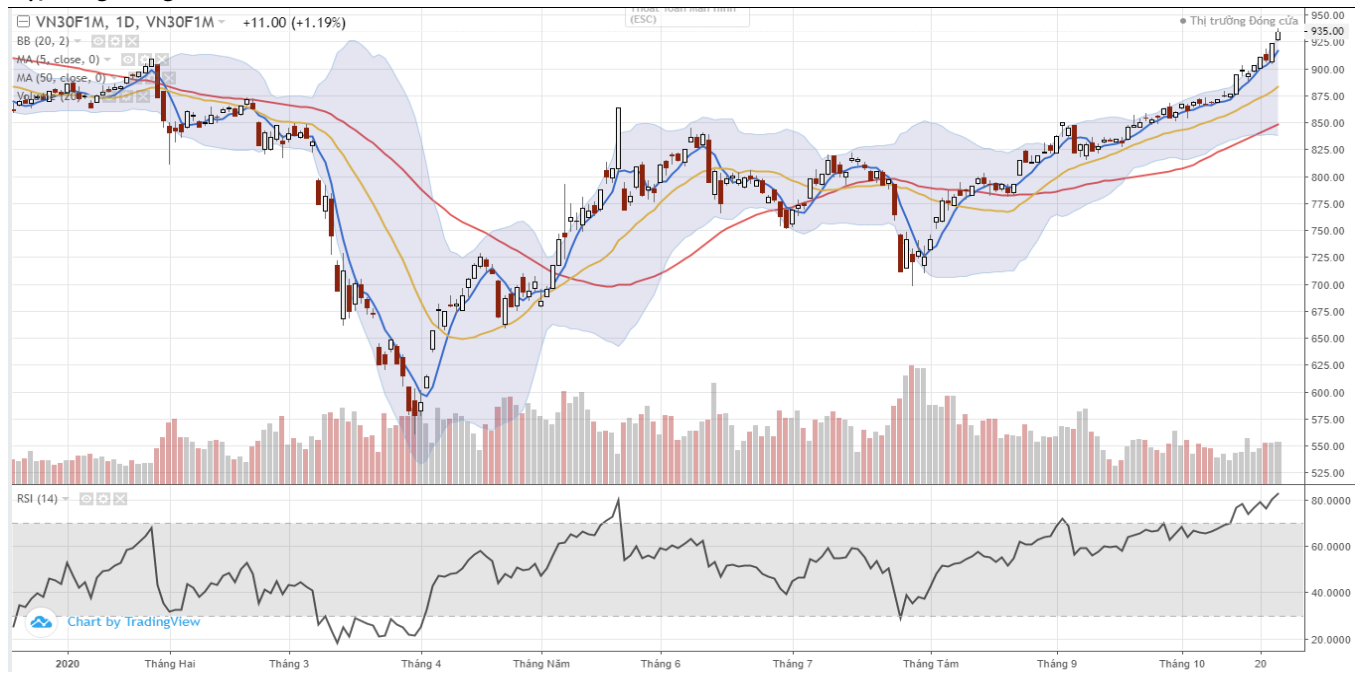
- VNIndex tiếp đà tăng điểm với lực mua gia tăng vào cuối phiên.
- Với xung lực mạnh, chúng tôi cho rằng chỉ số nhiều khả năng sẽ sớm thử thách vùng kháng cự quanh 970. Dù vậy, chúng tôi vẫn lưu ý về tín hiệu phân kỳ của một số chỉ báo động lượng trên vùng quá mua có thể sẽ xuất hiện trong nhịp tăng này và điều đó sẽ gây rủi ro đảo chiều cho chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị nắm giữ tỷ trọng ngắn hạn đã mở ở mức thấp và tránh mua đuổi.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 tiếp tục nhịp tăng với lực mua gia tăng mạnh vào cuối phiên.
- Với áp lực bán được phân phối tốt, chúng tôi cho rằng chỉ số nhiều khả năng sẽ hướng tới vùng đích kì vọng quanh 940. Dù vậy, chúng tôi vẫn lưu ý về tín hiệu phân kỳ của một số chỉ báo động lượng trên vùng quá mua có thể sẽ xuất hiện trong nhịp tăng này và điều đó sẽ gây rủi ro đảo chiều cho chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục trading linh hoạt 2 chiều trong phiên nhưng cần đặt và tuân thủ điểm Stop chặt chẽ cho các vị thế LONG.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

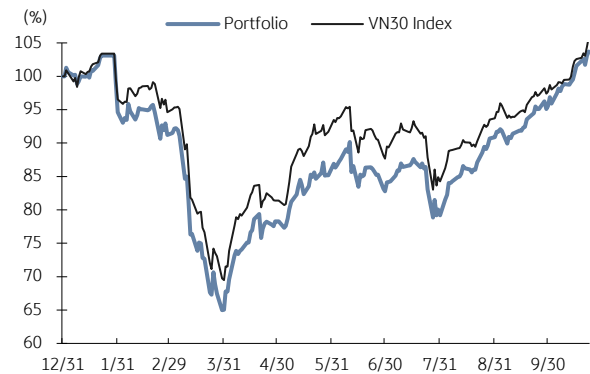
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.31%	0.60%
Tăng lũy kế (YTD)	5.83%	3.70%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/10/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	110,000	1.4%	-5.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,750	0.8%	9.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	68,000	-0.3%	-11.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	18,850	0.3%	9.9%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	42,000	0.4%	23.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	53,900	-0.2%	61.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	31,800	-0.6%	30.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	105,300	0.3%	-18.5%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	30,900	4.4%	58.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,700	-0.3%	7.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	4.3.9%	34.2%	86.5
VIC	3.9%	13.8%	65.0
VNM	3.1%	58.0%	10.0
HCM	-0.9%	48.8%	5.2
FUEVFNDD	1.4%	99.2%	4.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	1.2%	37.0%	-96.1
VHM	2.6%	22.0%	-82.8
VRE	0.9%	30.7%	-45.1
CTG	-0.6%	29.4%	-23.5
SSI	-0.6%	50.3%	-17.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.0%	6.8%	4.7
DNM	-0.6%	4.4%	1.0
BAX	-4.0%	2.9%	0.8
SD9	-1.5%	7.4%	0.7
SRA	6.0%	1.8%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	2.6%	6.5%	-7.1
VCG	-0.7%	0.3%	-2.0
NBC	9.1%	7.2%	-1.0
INN	-2.9%	9.8%	-0.8
TXM	-6.4%	14.9%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	5.5%	HPG, TTF
Bảo hiểm	4.1%	BVH, PGI
Bất động sản	3.8%	VIC, VHM
Hóa chất	2.3%	GVR, CSV
Bán lẻ	2.3%	MWG, CMV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.9%	GAS, VSH
Dầu khí	-0.9%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	-0.6%	VCI, SSI
Y tế	-0.1%	DMC, IMP
Du lịch và Giải trí	-0.1%	HVN, VNS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	17.1%	HPG, TTF
Bảo hiểm	12.0%	BVH, BIC
Hóa chất	11.2%	GVR, DCM
Dịch vụ tài chính	11.2%	VCI, SSI
Thực phẩm và đồ uống	9.4%	MSN, VNM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-7.2%	YEG, PNC
Dầu khí	-3.9%	PLX, PVD
Du lịch và Giải trí	-1.6%	HVN, VJC
Xây dựng và Vật Liệu	-0.9%	CTD, TTA
Y tế	-0.8%	DMC, IMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	104,000	351,773 (15,177)	42,193 (1.8)	22.9	56.7	41.6	19.2	6.6	8.7	4.0	3.7	3.9	6.6	10.1	-9.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,500	261,516 (11,283)	158,070 (6.8)	27.0	9.7	8.5	35.7	38.6	31.1	3.0	2.3	2.6	3.2	2.6	-6.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,350	64,420 (2,779)	91,971 (4.0)	18.4	25.7	18.2	0.1	8.8	11.7	2.3	2.1	0.9	3.1	-2.6	-16.6
	NVL	NO VA LAND INVES	62,300	61,401 (2,649)	88,809 (3.8)	32.7	16.6	17.2	1.9	14.1	11.9	2.4	-	-0.3	0.0	-2.0	4.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,400	13,635 (588)	15,210 (0.7)	7.8	12.5	10.4	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	1.9	2.7	-0.6	-4.8
	DXG	DAT XANH GROUP	12,200	6,323 (273)	62,440 (2.7)	13.6	12.2	6.0	-39.2	5.5	14.0	0.8	0.7	0.0	2.5	16.2	-15.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	87,500	324,527 (14,002)	87,546 (3.8)	6.4	19.8	17.1	10.3	19.7	18.8	3.3	2.8	1.0	-0.8	2.5	-3.0
	BID	BANK FOR INVESTM	42,800	172,142 (7,427)	87,518 (3.8)	12.6	27.3	19.1	-5.3	9.3	11.8	2.1	1.9	-0.3	1.4	3.4	-7.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	24,000	84,003 (3,624)	341,932 (14.8)	0.0	8.2	7.1	4.1	15.5	15.4	1.2	1.0	0.2	6.0	7.6	1.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	31,800	118,404 (5,108)	243,228 (10.5)	0.6	15.9	13.2	18.7	10.6	11.9	1.5	1.3	-0.6	2.1	21.1	52.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	25,700	62,650 (2,703)	178,572 (7.7)	0.1	7.7	6.9	5.4	17.8	16.0	1.2	1.1	0.4	4.5	8.0	28.5
	MBB	MILITARY COMMERC	18,850	52,274 (2,255)	137,708 (5.9)	0.0	7.0	6.0	8.8	18.0	17.5	1.1	1.0	0.3	5.6	12.9	4.2
	HDB	HDBANK	25,450	31,957 (1,379)	40,385 (1.7)	1.3	7.9	7.0	20.3	19.1	18.5	1.4	1.2	0.8	2.6	6.6	20.1
	STB	SACOMBANK	14,550	26,243 (1,132)	270,973 (11.7)	14.4	13.8	10.5	16.4	10.4	9.2	0.9	0.9	-0.3	5.8	15.0	44.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,650	20,129 (868)	65,713 (2.8)	0.0	6.7	5.4	29.4	22.4	20.3	1.2	1.0	-2.2	-1.2	4.0	17.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,500	21,515 (928)	6,107 (0.3)	0.1	37.6	36.1	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	0.0	0.9	2.3	-1.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	55,500	41,199 (1,778)	58,842 (2.5)	20.6	33.7	28.5	2.6	6.3	7.7	2.1	2.0	2.2	3.0	11.3	-19.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	28,100	2,567 (111)	11,351 (0.5)	14.4	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	0.4	2.2	10.2	13.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,900	10,757 (464)	102,115 (4.4)	49.7	12.4	10.0	-16.8	9.0	10.6	1.0	1.0	-0.6	-1.4	7.2	15.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	38,350	6,351 (274)	37,546 (1.6)	73.1	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	-4.8	30.9	30.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,100	6,741 (291)	64,656 (2.8)	51.2	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-1.6	6.8	3.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	16,000	3,336 (144)	24,280 (1.0)	16.6	14.4	9.0	-19.1	7.4	11.2	1.0	0.9	-0.3	0.6	18.5	11.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	110,000	229,861 (9,917)	195,494 (8.4)	42.0	22.7	20.9	6.1	38.2	38.4	7.8	7.1	3.1	2.4	2.2	13.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	185,800	119,150 (5,141)	19,444 (0.8)	36.9	27.9	23.7	1.8	22.3	25.0	5.8	5.1	0.4	-1.4	-2.2	-18.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	86,000	101,023 (4,359)	239,605 (10.3)	12.0	115.7	43.7	-57.1	2.3	5.9	2.9	3.1	1.2	7.5	55.2	52.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,900	13,192 (569)	22,305 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.1	0.0	-2.5	-14.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	105,300	55,160 (2,380)	41,187 (1.8)	12.5	-	16.0	-	8.9	21.4	3.4	3.2	0.3	0.3	-1.1	-28.0
	GMD	GEMADEPT CORP	23,700	7,037 (304)	12,166 (0.5)	0.0	17.7	15.2	-53.8	6.7	7.5	1.2	1.2	1.1	0.6	0.0	1.7
	CII	HO CHI MINH CITY	17,550	4,192 (181)	36,765 (1.6)	37.6	8.8	8.2	142.2	9.6	9.4	0.8	0.7	-0.3	-4.4	-4.6	-22.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,310	1,311 (057)	20,005 (0.9)	47.0	-	-	-	-	-	-	-	2.7	4.5	8.5	-86.6
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,250	9,987 (431)	140,625 (6.1)	35.5	26.0	11.2	-20.9	10.5	13.6	-	-	-0.9	-2.7	15.0	9.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	56,900	4,341 (187)	92,058 (4.0)	2.4	7.0	7.5	-33.3	7.5	7.0	0.5	0.5	-1.6	4.6	22.2	10.9
	REE	REE	42,000	13,022 (562)	17,629 (0.8)	0.0	8.3	6.9	-8.5	13.9	15.2	1.1	1.0	0.4	1.0	4.9	15.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	73,500	140,675 (6,069)	65,852 (2.8)	45.9	18.0	14.9	-15.7	16.4	18.4	2.8	2.6	-0.3	-2.5	1.1	-21.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,600	6,506 (281)	4,186 (0.2)	29.7	9.7	9.4	-5.7	16.1	17.1	1.6	1.5	-0.9	-2.0	-4.6	4.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,150	7,422 (320)	4,977 (0.2)	33.3	8.5	7.8	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.1	0.4	-1.3	-3.1	-13.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	30,900	102,380 (4,417)	430,651 (18.6)	14.8	10.2	8.6	7.7	19.0	19.5	1.8	1.5	4.4	6.2	19.8	57.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,200	6,731 (290)	47,570 (2.1)	37.1	10.8	11.6	1.4	8.9	8.0	0.8	0.8	1.5	1.2	3.3	32.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,800	6,776 (292)	45,689 (2.0)	45.7	15.7	19.1	-14.4	7.6	6.2	-	-	1.6	2.0	25.5	96.9
	HSG	HOA SEN GROUP	15,400	6,842 (295)	197,201 (8.5)	39.6	8.2	8.0	45.5	14.4	13.0	-	-	-0.3	2.3	8.5	107.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,650	2,584 (111)	23,487 (1.0)	97.7	5.8	6.6	45.6	13.3	10.5	0.7	0.7	-0.4	-0.5	-1.4	-3.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	49,500	60,331 (2,603)	15,331 (0.7)	4.0	50.4	17.0	-41.4	5.4	15.3	2.5	2.1	0.2	-0.9	-4.1	-11.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,400	4,801 (207)	77,685 (3.4)	39.5	52.7	28.4	-22.3	0.8	1.5	0.3	0.3	0.0	-1.3	-0.9	-24.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,600	3,828 (165)	35,640 (1.5)	31.3	8.9	7.8	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.7	-0.7	0.7	6.7	-19.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	110,000	49,787 (2,148)	91,408 (3.9)	0.0	13.5	10.1	10.2	26.6	28.2	3.3	2.6	1.4	1.5	7.9	-3.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	68,000	15,308 (660)	57,001 (2.5)	0.0	17.4	14.8	-1.8	19.0	22.0	3.0	2.8	-0.3	-0.1	7.3	-20.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	45,050	1,409 (061)	900 (0.0)	69.3	18.9	13.8	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	0.1	-1.4	-8.1	21.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,400	1,848 (080)	13,658 (0.6)	13.3	15.6	10.6	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.2	1.3	-0.8	-7.5	11.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	55,500	7,520 (324)	50,534 (2.2)	36.5	7.7	7.1	24.4	35.7	31.2	2.5	2.2	1.5	0.4	-5.1	45.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,900	13,585 (586)	537 (0.0)	45.2	20.0	18.4	8.0	20.7	20.1	3.8	3.6	0.2	-0.1	-2.0	13.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	70,100	5,258 (227)	351 (0.0)	37.9	14.9	-	7.3	16.4	-	2.4	-	0.4	1.6	0.0	29.1
IT	FPT	FPT CORP	53,900	42,252 (1,823)	102,594 (4.4)	0.0	12.1	10.4	20.0	23.4	23.5	2.6	2.3	-0.2	1.3	5.5	6.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.